

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN LÂM HÀ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản án số: 45/2020/HNGĐ - ST.

Ngày: 10/9/2020.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Trường.
2. Ông Bùi Duy Hiếu.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Cương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà: Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2020/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S. Sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Số 21/1A, đường T, tổ 5B, ấp M, xã Ti, huyện C, thành phố H.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ. Sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Thôn 9, xã M, huyện L, tỉnh L.

(Chị S, anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày: Chị và anh Đ xây dựng gia đình với nhau năm 2003, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mê Linh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị có quá nhiều khác biệt, bất đồng về tính cách, lối sống và quan điểm sống dẫn đến cuộc sống của vợ chồng không được

hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung, không còn sự quan tâm chăm sóc cho nhau và do vợ chồng anh chị không có con chung. Chị đã nhiều lần nói chuyện với anh Đ để giải quyết mâu thuẫn hàn gắn tình cảm để vợ chồng có thể hiểu nhau hơn nhưng đều không được. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị S xác định vợ chồng anh chị không có con chung.

Về tài sản chung: Chị S xác định để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/6/2020 anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Anh và chị S xây dựng gia đình với nhau năm 2003, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay vợ anh làm đơn ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ anh.

Về con chung: Anh Đ xác định vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị S có đơn xin hòa giải vắng mặt, anh Đ vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị S. Xử cho chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn. Về con chung: Các đương sự xác định không có nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Chị S xác định để vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, anh Đ xác định vợ chồng không có nợ chung nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị S, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên Tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị S, anh Đ xây dựng gia đình với nhau năm 2003, trên cơ sở tình nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mê Linh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 14/11/2003 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị S vắng mặt nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt chị S khẳng định vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Đ, còn trong lời khai của mình anh Đ đồng ý giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị S.

Xét thấy, anh Đ và chị S phát sinh mâu thuẫn vào năm 2015, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng với nhau về tính cách, lối sống và quan điểm sống dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng không được hòa thuận, hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung, không còn sự quan tâm chăm sóc cho nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tổ chức phiên hòa giải để hai bên suy nghĩ lại, hàn gắn quan hệ tình cảm nhưng chị S, anh Đ đều vắng mặt chứng tỏ chị S, anh Đ cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, qua xác minh tại chính quyền địa phương thì cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Vì vậy, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên do mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn ly hôn của chị S, xử cho chị S và anh Đ được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] *Về con chung*: Chị S và anh Đ xác định vợ chồng anh chị không có con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Chị S xác định để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau, anh Đ xác định vợ chồng không có nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Chị S, anh Đ xác định vợ chồng không có nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Buộc chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53; khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn ly hôn của chị Nguyễn Thị S, xử cho chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007371 ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L(02);
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- **Cơ quan đăng ký kết hôn;**
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà
(đã ký)

Nguyễn Hữu Dũng